

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2021/HS-ST

Ngày: 14/6/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tâm

Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 192/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2021/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Tuấn T; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/12/1983; tại Quảng Bình; Nơi đăng ký HKTT: 79/51 B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 85A đường TL19, khu phố 3, phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Hiền A, sinh năm 1962 và bà Hồ Thị N L, sinh năm 1962; Hoàn cảnh gia đình: Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu, có vợ Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1977 (Không đăng ký kết hôn) Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/3/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giết tài sản”; Ngày 31/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 30/5/2018; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Kim N; Tên gọi khác: (My); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 22/8/1994; tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 87/44/114 Đ phường C, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 311/21 V, phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Phật; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 (Chết) và bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1976; Hoàn cảnh gia đình: Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con đầu, có chồng là Lâm Đại N, sinh năm 1975 (Không đăng ký kết hôn) có 03 con lớn sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2020 đến ngày 21/11/2020. Sau đó bị cáo bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 21/11/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn T

Bà Cao Thị Kiều T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 501/8A K, phường L, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại:

Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng số 1, nhà trọ số 12/25 đường 6, khu phố 2, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Cư trú: 85A, đường TL 19, khu phố 3, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1/ NLC1, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 12/27 đường 6, khu phố 2, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ NLC2, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 12/22 đường 6, khu phố 2, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/11/2020, Nguyễn Tuấn T sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0916509533 gọi đến số thuê bao 0366111967 của Nguyễn Kim N để rủ N đi tìm nhà nào sơ hở thì vào lấy tài sản để tiêu xài cá nhân, N đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số 59Y1 - 460.17 từ khu vực Quận 12 đến nhà trọ của N tại phường 13, quận Bình Thạnh và chở N đến khu vực Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức). Đến khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày, cả hai đến trước dãy nhà trọ số 12/25, đường 6, khu

phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện cổng nhà trọ đang mở. T dùng xe trước cổng, mở cốp xe lấy 01 cây mô lét và nói N đứng canh giới, giữ xe. T đi vào trong, đến trước phòng trọ số 01 và dùng mô lét bẻ khoen cửa đi vào tháo 01 chiếc tivi hiệu Panasonic đang treo trên tường rồi đem ra để phía trước бага xe mô tô và nói N trông giữ. Sau đó, T tiếp tục đi vào dẫn xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 59X1- 634.64 ra dựng trước cửa phòng trọ rồi quay trở vào phòng trọ và lục tủ quần áo để tìm chìa khóa xe, trong lúc tìm kiếm thì chị Huỳnh Thị Mỹ T đi về phát hiện truy hô. T và N bỏ chạy thì bị chị T cùng người dân bắt giữ và bàn giao cho Công an phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 177-2020/KL-HĐĐGTS ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 ti vi hiệu Panasonic loại 32 inch màu đen có giá trị còn lại là 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 59X1-634.64 có giá trị còn lại là 8.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị xâm phạm là 9.700.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 9 (nay là Công an thành phố Thủ Đức), Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Qua quá trình điều tra, chị Võ Thị Mỹ H (Người chung sống như vợ chồng với Nguyễn Tuấn T) đã cung cấp sổ khám bệnh và đơn thuốc thể hiện việc Nguyễn Tuấn T đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ngày 21/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 9 đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần số 13 đối với Nguyễn Tuấn T. Căn cứ Kết luận giám định số 2353/KLGD ngày 26/01/2021 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

“- Về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 12/11/2020 cho đến hiện tại, đối tượng bị rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm (F41.2-ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 12/11/2020 cho đến hiện tại, đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Bản cáo trạng số 53/CTr-VKSTPTĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn

Tuấn T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Kim N từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn T trình bày quan điểm:

- Về tội danh: Thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài hai tình tiết mà Viện kiểm sát đề nghị là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi và tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại chưa lớn.

- Về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không tranh luận hay bào chữa bổ sung. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

Bị cáo Nguyễn Kim N đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không tranh luận hay bào chữa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người biết sự việc không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/11/2020 Nguyễn Tuấn T gọi điện thoại cho Nguyễn Kim N rủ N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý, T chở N đi tìm tài sản do người khác sơ hở để trộm. Khi đi đến dãy nhà trọ số 12/25 đường 6, khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí

Minh, T nói N đứng ngoài cánh giới, giữ xe, T lén lút đi vào trong dùng mỏ lết bẻ khoen cửa phòng số 1 chiếm đoạt 01 ti vi hiệu Panasonic loại 32inch màu đen và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 59X1-634.64 của chị Huỳnh Thị Mỹ T. Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 177-2020/KL-HĐĐGTS ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 ti vi hiệu Panasonic loại 32 inch màu đen có giá trị còn lại là 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 59X1-634.64 có giá trị còn lại là 8.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị xâm phạm là 9.700.000 đồng. Do vậy xét đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Xét thấy, Cáo trạng số: 53/CTr-VKSTPTĐ ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 cũng như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai cho các bị cáo.

[4] Xét lời đề nghị của luật sư: Cho bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ bởi việc không lấy được tài sản là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo nên không chấp nhận. Đối với đề nghị cho bị cáo hưởng mức án bằng thời gian tạm giữ tạm giam là không có căn cứ bởi bị cáo có nhân thân xấu, là người khởi xướng rủ rê người khác phạm tội, mức án mà vị luật sư đề nghị không tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên không chấp nhận.

[5] Đánh giá về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam nên các bị cáo bất chấp, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, táo bạo, liều lĩnh xem thường pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự trong quần chúng nhân dân.

[6] Xét, đây vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc, tổ chức, cấu kết chặt chẽ, tuy nhiên cũng xem xét đến vai trò của từng bị cáo. Nguyễn Tuấn T là người khởi xướng, rủ rê người khác thực hiện hành vi phạm tội, là người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm. Nguyễn Kim N khi nghe T rủ rê đi trộm cắp, N biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng không can ngăn mà tích cực hưởng ứng, tham gia với vai trò là người giúp sức, tạo điều kiện tinh thần, cảnh giới cho T thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T có nhân thân xấu từng bị Tòa án xử các tội “Cướp giật tài sản, “Trộm cắp tài sản” sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa

phương bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện tính chất coi thường pháp luật. Tuy nhiên cũng xét trong quá trình điều tra truy tố và xét xử bị cáo T nhận thức được hành vi của mình là sai trái thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để khi lượng hình giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Kim N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi 03 người con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, phạm tội trong hoàn cảnh tức thời, do đó khi lượng hình xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo Nguyễn Tuấn T là người khởi xướng, rủ rờ là người giữ vai trò chính trong vụ án này, bị cáo lại có nhân thân xấu do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo Nguyễn Kim N có nhân thân tốt trước khi phạm tội, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng, hiện phải nuôi 3 người con nhỏ, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng thể hiện có khả năng tự cải tạo. Với các lý do nêu trên, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo lao động để nuôi con. Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật Hình sự, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát trong thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 ti vi hiệu Panasonic loại 32inch màu đen; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 59X1-634.64, số khung 3214EY083529, số máy JA32E1155131. Qua xác minh, xe mô tô, ti vi là tài sản của chị Huỳnh Thị Mỹ T bị Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trao trả lại cho chị Huỳnh Thị Mỹ T là có cơ sở.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, màu xanh đen, biển số 59Y1-460.17, số máy 44S1-079466, số khung RLCL44S10DY-079458. Qua xác minh,

xe mô tô trên do anh Trang Hoàng M đứng tên chủ sở hữu. Anh M cho biết đã bán lại xe mô tô trên cho anh Dương Văn Đ vào tháng 7/2015, việc mua bán được thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng. Anh Đ cho biết ngày 24/10/2020, đã bán xe máy trên cho chị Võ Thị Mỹ H; việc mua bán được thực hiện bằng giấy tay. Chị H không biết việc T sử dụng xe trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại xe cho chị Võ Thị Mỹ H.

- 01 khoen cửa bằng sắt đã bị bẻ gãy; 01 cây mở lết bằng kim loại dài 25cm, cán dài 20cm có bọc nhựa tay cầm, bên trên ghi chữ 10"/250 WYNN'S; 01 Ti vải màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 cây tuốc nơ vít hai đầu, dài khoảng 28cm, cán nhựa màu đỏ dài khoảng 08cm; 01 đoạn sắt có cán hình tròn dài 10cm có gắn một đoạn lục giác dài khoảng 07cm có đầu nhọn; 01 dụng cụ dùng để cắt kiếng dài 15cm; 01 đoạn sắt dài 20cm có 01 đầu dẹp và 01 đầu tứ giác; 01 dụng cụ mở khóa hình chữ L; 10 đoạn sắt dùng để bẻ khóa xe có hình dạng, kích thước khác nhau; 07 dụng cụ có hình dạng các loại dùng để mở khóa; 01 thanh đồng hình trụ vuông dài khoảng 06cm, sim số thuê bao 0916509533, sim số thuê bao 0366111967. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, model : RM-1187, 01 điện thoại động hiệu Nokia, màu xanh đen, model: TA-1105. Xét các bị cáo sử dụng điện thoại trên liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Huỳnh Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Kim N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2020.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Kim N cho Ủy ban nhân dân phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Điều 46 và 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 khoen cửa bằng sắt đã bị bẻ gãy; 01 cây mỏ lết bằng kim loại dài 25cm, cán dài 20cm có bọc nhựa tay cầm, bên trên ghi chữ 10"/250 WYNN'S; 01 Ti vải màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 cây tuốc nơ vít hai đầu, dài khoảng 28cm, cán nhựa màu đỏ dài khoảng 08cm; 01 đoạn sắt có cán hình tròn dài 10cm có gắn một đoạn lục giác dài khoảng 07cm có đầu nhọn; 01 dụng cụ dùng để cắt kiềng dài 15cm; 01 đoạn sắt dài 20cm có 01 đầu dẹp và 01 đầu tứ giác; 01 dụng cụ mở khóa hình chữ L; 10 đoạn sắt dùng để bẻ khóa xe có hình dạng, kích thước khác nhau; 07 dụng cụ có hình dạng các loại dùng để mở khóa; 01 thanh đồng hình trụ vuông dài khoảng 06cm, sim số thuê bao 0916509533, sim số thuê bao 0366111967.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, model : RM-1187 và 01 điện thoại động hiệu Nokia, màu xanh đen, model : TA-1105.

Trả lại cho bà Võ Thị Mỹ H 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, màu xanh đen, biển số 59Y1-460.17, số máy 44S1-079466, số khung RLCL44S10DY-079458.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 2/21 ngày 02/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 hướng dẫn về án phí và lệ phí tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Kim N mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ khi bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- Sở Tư pháp;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Đông